

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-48
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-48

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 04/GPĐC-UBCK cấp ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Trần Đình Cường	Thành viên
Bà Lê Thảo Anh	Thành viên
Ông Hoàng Đôn Hùng	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2025
Ông Phạm Hồng Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2025
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2024
Ông Lê Minh Khuê	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phi Long	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Hồng Minh - Thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính được ông Nguyễn Thanh Hải ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty theo Giấy ủy quyền số 08/2025/GUQ/TGD ngày 24 tháng 01 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thanh Hằng

Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Số: 100325.021/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2025-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)	
			31/12/2024 VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.409.371.761.105	2.248.864.756.038
110	I. Tài sản tài chính		2.403.226.562.625	2.246.133.529.090
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	108.953.346.950	120.456.160.950
111.1	1.1 Tiền		108.953.346.950	120.456.160.950
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	825.915.640.750	1.608.753.818.546
114	3. Các khoản cho vay	5	210.791.738.976	158.241.038.523
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	30.310.000.000	30.310.000.000
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(8.814.893.936)	(8.958.251.636)
117	6. Các khoản phải thu	7	1.233.361.473.184	331.442.223.732
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		1.233.361.360.184	206.743.333.039
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		113.000	124.698.890.693
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		113.000	124.698.890.693
118	7. Trả trước cho người bán		5.436.028.690	8.727.538.000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2.426.236.898	1.523.194.456
122	9. Các khoản phải thu khác	7	58.991.113	3.806.519
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(5.212.000.000)	(4.366.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		6.145.198.480	2.731.226.948
131	1. Tạm ứng		3.962.574.264	274.711.100
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.517.672.129	2.425.515.848
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	65.000.000	31.000.000
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	599.952.087	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		57.585.427.191	107.632.005.536
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	50.883.161.094
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	50.883.161.094
220	II. Tài sản cố định		25.929.153.951	25.834.335.385
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	17.454.864.326	15.551.052.651
222	- Nguyên giá		43.010.768.731	37.648.963.176
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.555.904.405)	(22.097.910.525)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	8.474.289.625	10.283.282.734
228	- Nguyên giá		25.280.008.497	25.082.208.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.805.718.872)	(14.798.925.763)
250	V. Tài sản dài hạn khác		31.656.273.240	30.914.509.057
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	2.853.090.040	2.236.160.228
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.673.967.715	7.688.123.483
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.2	1.129.215.485	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	20.000.000.000	20.990.225.346
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.466.957.188.296	2.356.496.761.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNHTại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		499.394.898.126	404.445.856.038
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		499.394.898.126	401.627.992.702
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	461.210.935.801	291.197.117.273
312	1.1 Vay ngắn hạn		461.210.935.801	291.197.117.273
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		-	75.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	518.070.657	617.552.794
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.803.107.336	1.444.272.553
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		434.500.000	529.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	2.558.490.628	9.043.780.874
323	7. Phải trả người lao động		601.637.868	605.747.198
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		318.388.222	232.241.022
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	22.799.566.166	12.107.179.960
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	1.270.165.525	1.275.391.523
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.880.035.923	9.575.209.505
340	II. Nợ phải trả dài hạn		-	2.817.863.336
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40.2	-	2.817.863.336
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.967.562.290.170	1.952.050.905.536
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.967.562.290.170	1.952.050.905.536
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		319.556.110.170	304.044.725.536
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		326.017.771.915	294.718.071.991
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(6.461.661.745)	9.326.653.545
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.466.957.188.296	2.356.496.761.574

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		164.800.618	164.800.618
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	412.267.100.000	283.578.310.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	24	1.530.000	1.530.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	25	-	2.344.000.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	26	209.680.270.000	1.266.950.270.000
013	6. Tài sản tài chính được quyền hưởng của công ty chứng khoán	27	280.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	28	5.044.932.850.000	5.031.598.740.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		4.115.674.120.000	3.906.263.100.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		71.291.000.000	61.291.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		826.078.300.000	1.049.126.800.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		5.687.260.000	530.890.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		26.202.170.000	14.386.950.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	29	18.136.520.000	18.152.520.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		17.986.520.000	18.002.520.000
022.4	d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30	24.719.800.000	70.564.810.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
026	3. Tiền gửi của khách hàng	31	39.405.195.605	154.022.097.537
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		39.404.195.605	65.279.279.037
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	88.741.818.500
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		-	88.741.818.500
030	3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.000.000	1.000.000
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	39.404.195.605	154.021.097.537
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		38.972.273.265	153.993.815.337
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		431.922.340	27.282.200
035	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	33	1.000.000	1.000.000



Bùi Thị Yên
Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	201.241.424.039	320.892.841.883
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	35.a) 256.313.509.442	35.835.999.344
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	35.b) 64.987.940.406	105.770.561.366
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	35.c) (120.060.025.809)	179.286.281.173
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	35.c) -	88.493.150
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	35.c) 26.551.475.189	31.757.773.176
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.556.069.731	26.627.240.435
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	800.000.000
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.755.147.279	1.872.712.034
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.270.827.058	613.409.126
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	35.d) 220.520.000	338.996.784
20	Cộng doanh thu hoạt động		251.595.463.296	382.991.466.588
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	87.252.709.518	191.148.900.329
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	35.a) 2.529.375.000	38.662.173.679
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	35.b) 84.723.334.518	152.486.726.650
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	702.642.300	(511.145.849)
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	2.793.994.342	2.555.736.727
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31.635.578.032	35.263.519.858
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	2.899.480.814
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.873.070.660	1.888.720.842
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	5.890.427.647	11.903.690.264
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	36 13.206.656.005	13.320.977.322
40	Cộng chi phí hoạt động		143.355.078.504	258.469.880.307
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	500.492.487	1.579.080.697
44	3.2	Doanh thu khác về đầu tư	9.722.646.889	10.733.291.864
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		10.223.139.376	12.312.372.561

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	38		
52	4.1 Chi phí lãi vay		33.105.534.076	32.518.333.444
60	Cộng chi phí tài chính		33.105.534.076	32.518.333.444
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	39	63.999.407.123	61.330.734.758
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		21.358.582.969	42.984.890.640
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		41.783.610	293.581.818
72	8.2 Chi phí khác		76.722.279	505.813.803
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(34.938.669)	(212.231.985)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		21.323.644.300	42.772.658.655
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		41.059.038.412	89.488.823.939
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(19.735.394.112)	(46.716.165.284)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	40	4.146.609.213	9.459.649.588
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.1	8.093.688.035	18.802.882.645
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	40.2	(3.947.078.822)	(9.343.233.057)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		17.177.035.087	33.313.009.067
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	43		202

Bùi Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		21.323.644.300	42.772.658.655
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		39.024.135.686	40.531.601.021
03	- Khấu hao tài sản cố định		5.741.815.434	5.996.039.578
04	- Các khoản dự phòng		702.642.300	3.830.854.151
06	- Chi phí lãi vay		33.105.534.076	32.518.333.444
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(525.856.124)	(1.813.626.152)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		84.723.334.518	152.486.726.650
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		84.723.334.518	152.486.726.650
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(64.987.940.406)	(105.770.561.366)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(64.987.940.406)	(105.770.561.366)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(185.082.180.922)	(121.876.655.741)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		763.102.783.684	210.259.453.657
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	55.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(52.550.700.453)	85.375.491.349
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(1.026.618.027.145)	(206.743.333.039)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		175.581.938.787	(137.642.832.828)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(998.042.442)	30.700.916
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(55.184.594)	1.530.201
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.697.637.818)	(285.152.574)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		4.622.226.298	(3.956.874.765)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		921.999.487	6.010.255.225
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.812.048.066)	(23.504.607.344)
44	- Lãi vay đã trả		(27.035.374.168)	(37.548.143.476)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(142.808.079)	(45.587.269.669)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		86.147.200	35.319.582
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(366.882.302)	(564.948.728)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(4.109.330)	(139.917.532)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(104.708.135)	(20.509.888.382)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		499.105.108	6.430.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.510.858.954)	(2.112.868.334)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(104.999.006.824)	8.143.769.219

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.043.481.828)	(442.342.400)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		25.363.637	234.545.455
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		500.492.487	1.579.080.697
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.517.625.704)	1.371.283.752
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		1.999.282.238.923	382.400.355.520
73.2	3 Tiền vay khác		1.999.282.238.923	382.400.355.520
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.904.268.420.395)	(420.032.897.287)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(1.904.268.420.395)	(420.032.897.287)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		95.013.818.528	(37.632.541.767)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(11.502.814.000)	(28.117.488.796)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		120.456.160.950	148.573.649.746
101.1	- Tiền		120.456.160.950	148.573.649.746
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	108.953.346.950	120.456.160.950
103.1	- Tiền		108.953.346.950	120.456.160.950

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		7.953.287.147.017	10.727.192.689.240
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(7.786.606.694.207)	(9.765.226.520.460)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		11.553.519.609.799	12.696.841.081.631
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(11.834.816.964.541)	(13.658.800.071.219)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		34.670.516.718	33.711.028.201
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(34.670.516.718)	(33.711.028.201)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>		(114.616.901.932)	7.179.192
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		154.022.097.537	154.014.918.345
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		154.022.097.537	154.014.918.345
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		65.279.279.037	85.905.762.795
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		88.741.818.500	68.108.155.550
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	1.000.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	31	39.405.195.605	154.022.097.537
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		39.405.195.605	154.022.097.537
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		39.404.195.605	65.279.279.037
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	88.741.818.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	1.000.000



Bùi Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2023	01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.270.004.000.000	1.648.006.180.000	618.002.180.000	240.000.000.000	-	-	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.030.004.000.000	1.648.006.180.000	618.002.180.000	-	-	-	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		240.000.000.000	-	-	240.000.000.000	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		27.107.220.603	-	-	27.107.220.603	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		27.107.220.603	-	-	27.107.220.603	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối		598.316.223.320	304.044.725.536	87.527.450.273	381.798.948.057	17.177.035.087	1.665.650.453	304.044.725.536	319.556.110.170
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		551.616.637.548	294.718.071.991	124.900.382.500	381.798.948.057	32.965.350.377	1.665.650.453	294.718.071.991	326.017.771.915
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		46.699.585.772	9.326.653.545	(37.372.932.227)	-	(15.788.315.290)	-	9.326.653.545	(6.461.661.745)
TỔNG CỘNG		1.922.534.664.526	1.952.050.905.536	705.529.630.273	676.013.389.263	17.177.035.087	1.665.650.453	1.952.050.905.536	1.967.562.290.170

Bùi Thị Yên
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 04/GPĐC-UBCK cấp ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.648.006.180.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.648.006.180.000 đồng; trong đó có 164.800.618 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 143 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Văn phòng Công ty	Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 4, Tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bà Triệu (*)	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Nguyễn Trãi	Tầng 2, 3, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

(*) Theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định đóng cửa Chi nhánh Bà Triệu của Công ty.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Ứng trước tiền bán chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn và đầu tư chứng khoán phái sinh.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự phục hồi nhưng giá trị thị trường của các cổ phiếu, số lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản cũng như dòng tiền vẫn đang duy trì ở mức thấp. Những yếu tố này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phân chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.12 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó, đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; doanh thu đầu tư khác.

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

2.20 . Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>
		VND
Của Công ty Chứng khoán	64.048.597	7.118.777.602.578
- Cổ phiếu	29.811.707	537.628.970.000
- Trái phiếu	34.236.780	6.470.212.213.853
- Chứng khoán khác	110	110.936.418.725
Của nhà đầu tư	676.305.169	15.671.645.678.204
- Cổ phiếu	675.641.248	14.523.915.700.410
- Trái phiếu	95.021	1.146.690.559.794
- Chứng khoán khác	568.900	1.039.418.000
	<u>740.353.766</u>	<u>22.790.423.280.782</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.370.620.605	747.093.232
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	107.582.726.345	119.709.067.718
	108.953.346.950	120.456.160.950

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	543.971.832.376	537.128.640.750	307.267.786.764	297.113.989.250
Cổ phiếu chưa niêm yết	214.780.000.000	215.980.000.000	66.780.000.000	67.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu chưa niêm yết	72.807.000.000	72.807.000.000	1.220.613.829.296	1.243.659.829.296
	831.561.718.176	825.915.640.750	1.594.664.501.860	1.608.753.818.546

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2024.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000
	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin	203.329.583.793	146.280.657.215
Hoạt động ứng trước tiền bán	7.462.155.183	11.960.381.308
	210.791.738.976	158.241.038.523

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	831.561.718.176	1.594.664.501.860	825.915.458.360	1.608.753.818.546	100.261.562.468	63.173.301.221	(105.907.639.894)	(49.083.984.535)	825.915.640.750	1.608.753.818.546
Cổ phiếu niêm yết	543.971.832.376	307.267.786.764	537.128.458.360	297.113.989.250	99.061.562.468	38.927.301.221	(105.904.754.094)	(49.081.098.735)	537.128.640.750	297.113.989.250
GMA	156.050.000.000	5.000.000.000	254.271.000.000	43.920.000.000	98.221.000.000	38.920.000.000	-	-	254.271.000.000	43.920.000.000
NVB	295.394.768.043	291.827.768.043	213.690.441.800	247.539.201.000	-	-	(81.704.326.243)	(44.288.567.043)	213.690.441.800	247.539.201.000
ACB	21.187.378.748	1.508.730	22.005.181.200	1.649.100	817.802.452	140.370	-	-	22.005.181.200	1.649.100
PVS	16.852.899.778	-	13.336.260.000	-	-	-	(3.516.639.778)	-	13.336.260.000	-
OGC	40.456.065.887	10.253.865.887	21.297.200.500	5.506.797.300	-	-	(19.158.865.387)	(4.747.068.587)	21.297.200.500	5.506.797.300
DLI	5.999.500.000	-	4.707.300.000	-	-	-	(1.292.200.000)	-	4.707.300.000	-
MSN	3.590.185.000	4.185.000	3.502.520.000	2.412.000	-	-	(87.665.000)	(1.773.000)	3.502.520.000	2.412.000
VHM	3.303.099.384	3.099.384	3.201.960.000	2.116.800	-	-	(101.139.384)	(982.584)	3.201.960.000	2.116.800
VPB	961.851.802	1.275.986	961.209.600	1.209.600	-	-	(642.202)	(66.386)	961.209.600	1.209.600
Cổ phiếu lẻ	176.083.734	176.083.734	155.385.260	140.603.450	22.760.016	7.160.851	(43.276.100)	(42.641.135)	155.567.650	140.603.450
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
- Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	214.780.000.000	66.780.000.000	215.980.000.000	67.980.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	215.980.000.000	67.980.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Khoáng sản	10.800.000.000	10.800.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-	-	-	-	-	54.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vina2 Homes	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-	-	-	-	-	45.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và chia sẻ	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-	-	-	-	-	49.000.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	1.220.613.829.296	-	1.243.659.829.296	-	23.046.000.000	-	-	-	1.243.659.829.296
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2	-	87.600.000.000	-	87.600.000.000	-	-	-	-	-	87.600.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cà	-	157.700.000.000	-	157.700.000.000	-	-	-	-	-	157.700.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên	-	92.184.000.000	-	115.230.000.000	-	23.046.000.000	-	-	-	115.230.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	-	883.129.829.296	-	883.129.829.296	-	-	-	-	-	883.129.829.296
Trái phiếu niêm yết	72.807.000.000	-	72.807.000.000	-	-	-	-	-	72.807.000.000	-
- Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (1)	72.807.000.000	-	72.807.000.000	-	-	-	-	-	72.807.000.000	-
AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
- Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
	861.871.718.176	1.624.974.501.860	856.225.458.360	1.639.063.818.546	100.261.562.468	63.173.301.221	(105.907.639.894)	(49.083.984.535)	856.225.640.750	1.639.063.818.546

Ghi chú:

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị thị trường Công ty thận trọng xác định bằng 0. Giá trị thị trường của cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo mệnh giá của các cổ phiếu và trái phiếu này tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(1) Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (mã trái phiếu NPM123022) đáo hạn ngày 27 tháng 07 năm 2028; số lượng: 700.000 trái phiếu; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; lãi suất đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 9%/năm, đối với các kỳ tính lãi còn lại là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,1%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	8.814.893.936	8.958.251.636
Tại ngày 31/12	8.814.893.936	8.958.251.636

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư (*)	1.233.361.360.184	206.743.333.039
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	113.000	124.696.797.635
Phải thu lãi hoạt động Margin	-	2.093.058
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.426.236.898	1.523.194.456
Phải thu khác	58.991.113	3.806.519
	1.235.846.701.195	332.969.224.707

(*) Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu về bán 16.907 trái phiếu TITCH2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Toàn Xuân Thịnh với số tiền 189.159.599.928 đồng (trong đó bao gồm tiền gốc là 169.554.042.740 đồng và lãi chậm trả là 19.605.557.188 đồng). Giao dịch này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 22.990.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc dân được sở hữu bởi các cổ đông của ngân hàng này với tổng giá trị theo mệnh giá là 229.900.000.000 đồng, bao gồm:

- + Công ty TNHH KY Consultant - một bên liên quan của Công ty: 18.000.000 cổ phiếu;
- + Bà Vũ Hải Anh - thành viên Hội đồng quản trị Công ty: 3.500.000 cổ phiếu;
- + Bà Trần Thị Thu: 1.490.000 cổ phiếu.

- Khoản phải thu về bán 59.937 trái phiếu CLACH2124001 và 24.717 trái phiếu CLACH2125002 của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm đối với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tiến Thành với số tiền 737.522.389.297 đồng. Giao dịch này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 74.499.540 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản được sở hữu bởi các cá nhân là cổ đông của công ty này với tổng giá trị theo mệnh giá là 744.995.400.000 đồng, bao gồm:

- + Bà Tạ Thị Tú Trinh: 4.180.000 cổ phần;
- + Bà Đinh Thị Thu Vân: 1.403.930 cổ phần;
- + Ông Nguyễn Hồng Tuấn: 68.915.610 cổ phần.

- Khoản phải thu về bán 27.536 trái phiếu LACCH2124001 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoa Lâm An đối với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media (Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ tại công ty này) với số tiền 306.679.370.959 đồng. Giao dịch này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 35.300.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc dân được sở hữu bởi các cá nhân là cổ đông của ngân hàng này với tổng giá trị theo mệnh giá là 353.000.000.000 đồng, bao gồm:

- + Bà Tạ Thị Tú Trinh: 3.967.943 cổ phiếu;
- + Ông Nguyễn Trần Trung Sơn: 16.934.686 cổ phiếu;
- + Ông Nguyễn Minh Tú: 1.069.578 cổ phiếu;
- + Ông Nguyễn Trần Minh Quân: 2.638.997 cổ phiếu;
- + Bà Lai Thị Thúy Vân: 5.412.056 cổ phiếu;
- + Bà Trần Thị Thu: 5.276.740 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Các khoản phải thu dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	50.883.161.094
	<u>-</u>	<u>50.883.161.094</u>
8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tại ngày 01/01	4.366.000.000	24.000.000
Trích lập	846.000.000	4.342.000.000
Tại ngày 31/12	<u>5.212.000.000</u>	<u>4.366.000.000</u>
9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	34.282.728	57.780.445
Chi phí thuê văn phòng	533.288.180	526.926.842
Chi phí bảo trì phần mềm	333.753.904	325.790.000
Chi phí thuê đường truyền	223.848.074	102.384.052
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	275.763.434	189.882.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	116.735.809	1.222.752.138
	<u>1.517.672.129</u>	<u>2.425.515.848</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	486.336.511	1.061.641.833
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo khi chuyển sang trụ sở mới 2A Đại Cồ Việt	2.238.918.309	4.574.722.029
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo văn phòng tại Chi nhánh Nguyễn Trãi	441.953.345	1.538.853.407
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	3.987.500.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	519.259.550	512.906.214
	<u>7.673.967.715</u>	<u>7.688.123.483</u>
10 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC		
a) Ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc thuê cây xanh	3.000.000	3.000.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	28.000.000	28.000.000
Đặt cọc dịch vụ cung cấp thông tin năm 2024	34.000.000	-
	<u>65.000.000</u>	<u>31.000.000</u>
b) Dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.822.170.040	2.205.240.228
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	30.920.000	30.920.000
	<u>2.853.090.040</u>	<u>2.236.160.228</u>
11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	599.952.087	-
	<u>599.952.087</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	24.615.169.627	12.092.051.572	222.812.000	718.929.977	37.648.963.176
Mua trong năm	1.109.062.240	3.971.109.360	-	558.662.400	5.638.834.000
Thanh lý, nhượng bán	(277.028.445)	-	-	-	(277.028.445)
Tại ngày 31/12/2024	25.447.203.422	16.063.160.932	222.812.000	1.277.592.377	43.010.768.731
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	17.815.727.008	3.456.241.685	222.812.000	603.129.832	22.097.910.525
Khấu hao trong năm	2.230.131.915	1.426.187.834	-	78.702.576	3.735.022.325
Thanh lý, nhượng bán	(277.028.445)	-	-	-	(277.028.445)
Tại ngày 31/12/2024	19.768.830.478	4.882.429.519	222.812.000	681.832.408	25.555.904.405
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	6.799.442.619	8.635.809.887	-	115.800.145	15.551.052.651
Tại ngày 31/12/2024	5.678.372.944	11.180.731.413	-	595.759.969	17.454.864.326

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.992.773.978 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	20.331.918.889	4.750.289.608	25.082.208.497
Mua trong năm	197.800.000	-	197.800.000
Tại ngày 31/12/2024	20.529.718.889	4.750.289.608	25.280.008.497
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	10.048.636.155	4.750.289.608	14.798.925.763
Khấu hao trong năm	2.006.793.109	-	2.006.793.109
Tại ngày 31/12/2024	12.055.429.264	4.750.289.608	16.805.718.872
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	10.283.282.734	-	10.283.282.734
Tại ngày 31/12/2024	8.474.289.625	-	8.474.289.625

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.076.718.497 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	12.253.782.674	13.244.008.020
Tiền lãi phân bổ	7.626.217.326	7.626.217.326
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.990.225.346

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay ngân hàng	100.000.000.000	92.687.200.000	146.769.200.000	45.918.000.000
Vay đối tượng khác	191.197.117.273	2.550.805.446.440	2.326.709.627.912	415.292.935.801
	291.197.117.273	2.643.492.646.440	2.473.478.827.912	461.210.935.801
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn			31/12/2024 VND	01/01/2024 (Đã điều chỉnh) VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾ (NCB)			45.918.000.000	100.000.000.000
Các khoản vay cá nhân ⁽²⁾			415.292.935.801	191.197.117.273
			461.210.935.801	291.197.117.273

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 620/DN/2023/HĐHM-HNI ngày 25 tháng 12 năm 2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 120.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngắn hạn;
- + Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng;
- + Lãi suất cho vay: theo thỏa thuận giữa hai bên tại Khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 45.918.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.

(2) Các Hợp đồng vay cá nhân với hình thức tín chấp có thời hạn không quá 06 tháng, lãi suất 1,5% - 10,5%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	360.647.780	457.533.805
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	157.422.877	160.018.989
	518.070.657	617.552.794

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	760.521.669	760.521.669
Phải trả các đối tượng khác	1.042.585.667	683.750.884
	1.803.107.336	1.444.272.553

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.867.379	29.136.187
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.118.407.944
Thuế Thu nhập cá nhân	2.549.614.903	2.896.236.743
Các loại thuế khác	1.008.346	-
	2.558.490.628	9.043.780.874

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	8.210.244.201	2.140.084.293
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	11.505.737.320	7.290.927.620
Thù lao Hội đồng quản trị	2.242.835.000	607.028.160
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	840.749.645	2.069.139.887
	22.799.566.166	12.107.179.960

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	516.512.791	521.738.789
	1.270.165.525	1.275.391.523

22 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71	160.000.000.000	9,71	160.000.000.000
Các cổ đông khác	90,29	1.488.006.180.000	90,29	1.488.006.180.000
	100	1.648.006.180.000	100	1.648.006.180.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	326.017.771.915	294.718.071.991
Lợi nhuận chưa thực hiện	(6.461.661.745)	9.326.653.545
	319.556.110.170	304.044.725.536

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	294.718.071.991	551.616.637.548
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(6.461.661.745)	9.326.653.545
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	32.965.350.377	70.685.941.294
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	327.683.422.368	622.302.578.842
Số trích các quỹ từ lợi nhuận (*)	(1.665.650.453)	(3.796.768.057)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.665.650.453)	(3.796.768.057)
Số hoàn trích các quỹ vào lợi nhuận	-	54.214.441.206
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	27.107.220.603
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	27.107.220.603
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	(378.002.180.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	326.017.771.915	294.718.071.991

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	33.313.009.067
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00%	1.665.650.453
Lợi nhuận chưa phân phối	95,00%	31.647.358.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.648.006.180.000	1.270.004.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	378.002.180.000
- Vốn góp cuối năm	1.648.006.180.000	1.648.006.180.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	412.267.100.000	283.578.310.000
	412.267.100.000	283.578.310.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.530.000
	1.530.000	1.530.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	-	2.344.000.000
	-	2.344.000.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	209.680.270.000	1.266.950.270.000
	209.680.270.000	1.266.950.270.000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	280.000	-
	280.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.115.674.120.000	3.906.263.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	71.291.000.000	61.291.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	826.078.300.000	1.049.126.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	5.687.260.000	530.890.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	26.202.170.000	14.386.950.000
	<u>5.044.932.850.000</u>	<u>5.031.598.740.000</u>

29 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	17.986.520.000	18.002.520.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	<u>18.136.520.000</u>	<u>18.152.520.000</u>

30 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24.719.800.000	70.564.810.000
	<u>24.719.800.000</u>	<u>70.564.810.000</u>

31 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	39.404.195.605	65.279.279.037
1. Nhà đầu tư trong nước	38.972.273.263	65.251.996.835
2. Nhà đầu tư nước ngoài	431.922.342	27.282.202
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	88.741.818.500
1. Nhà đầu tư trong nước	-	88.741.818.500
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.000.000	1.000.000
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.000.000	1.000.000
	<u>39.405.195.605</u>	<u>154.022.097.537</u>

32 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	39.404.195.605	65.279.279.037
1.1 Nhà đầu tư trong nước	38.972.273.263	65.251.996.835
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	431.922.342	27.282.202
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	88.741.818.500
2.1 Nhà đầu tư trong nước	-	88.741.818.500
	<u>39.404.195.605</u>	<u>154.021.097.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**33 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.000.000	1.000.000
	<u>1.000.000</u>	<u>1.000.000</u>

34 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	203.329.583.793	146.282.750.273
1.1 Phải trả gốc margin	203.329.583.793	146.280.657.215
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>203.329.583.793</i>	<i>146.280.657.215</i>
1.2 Phải trả lãi margin	-	2.093.058
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	<i>2.093.058</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	7.462.155.183	11.960.381.308
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	7.462.155.183	11.960.381.308
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>7.462.155.183</i>	<i>11.960.381.308</i>
	<u>210.791.738.976</u>	<u>158.243.131.581</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

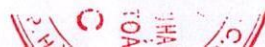
Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

35 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	76.384.060.000	76.540.864.388	2.288.070.612	(2.444.875.000)	24.232.035.872	(37.988.942.998)
Trái phiếu niêm yết	1.493.441.603.293	1.492.606.729.515	863.873.778	(29.000.000)	3.920.000	(99.000.000)
Trái phiếu Chính phủ	229.705.500.000	229.761.000.000	-	(55.500.000)	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	2.212.819.897.494	1.959.684.312.847	253.135.584.647	-	11.597.577.672	(497.622.461)
Chứng chỉ tiền gửi	55.481.199.565	55.455.219.160	25.980.405	-	2.465.800	(76.608.220)
	4.067.832.260.352	3.814.048.125.910	256.313.509.442	(2.529.375.000)	35.835.999.344	(38.662.173.679)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	831.561.718.176	825.915.458.360	100.261.562.468	(105.907.639.894)	63.173.301.221	(49.083.984.535)	64.987.940.406	(84.723.334.518)
Cổ phiếu niêm yết	543.971.832.376	537.128.458.360	99.061.562.468	(105.904.754.094)	38.927.301.221	(49.081.098.735)	63.787.940.406	(84.723.334.518)
Cổ phiếu chưa niêm yết	214.780.000.000	215.980.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	(2.885.800)	-	-
Trái phiếu niêm yết	72.807.000.000	72.807.000.000	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	23.046.000.000	-	-	-
Loại AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-	-
	861.871.718.176	856.225.458.360	100.261.562.468	(105.907.639.894)	63.173.301.221	(49.083.984.535)	64.987.940.406	(84.723.334.518)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (*)	(120.060.025.809)	179.286.281.173
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	88.493.150
Từ các khoản cho vay	26.551.475.189	31.757.773.176
	<u>(93.508.550.620)</u>	<u>211.132.547.499</u>

(*) Trong đó bao gồm khoản thoái dự thu đối với trái tức từ trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm với số tiền 196,46 tỷ đồng khi Công ty bán các trái phiếu này.

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	220.520.000	338.996.784
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	220.520.000	338.996.784
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	<u>220.520.000</u>	<u>338.996.784</u>

36 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	13.206.656.005	13.320.977.322
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	13.206.656.005	13.320.977.322
	<u>13.206.656.005</u>	<u>13.320.977.322</u>

37 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	500.492.487	1.579.080.697
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	9.722.646.889	10.733.291.864
	<u>10.223.139.376</u>	<u>12.312.372.561</u>

(*) Khoản lãi chậm trả đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Toàn Xuân Thịnh liên quan đến giao dịch bán 16.907 trái phiếu TITCH2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường.

38 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.105.534.076	32.518.333.444
	<u>33.105.534.076</u>	<u>32.518.333.444</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

39 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	40.861.348.519	35.457.906.367
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.738.986.530	1.785.056.999
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.228.996.005	2.764.072.661
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.746.916.785	1.773.172.679
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.100.000	7.500.000
Chi phí dự phòng	-	4.342.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.411.059.284	15.201.026.052
	63.999.407.123	61.330.734.758

40 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**40.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.323.644.300	42.772.658.655
Các khoản điều chỉnh tăng	87.174.837.843	157.970.212.555
- Chi phí không hợp lệ	680.080.225	1.141.485.905
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	84.723.334.518	152.486.726.650
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	1.771.423.100	4.342.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(68.127.002.272)	(106.728.457.985)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.070.281.066)	(446.750.770)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(64.987.940.406)	(105.770.561.366)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(1.068.780.800)	(511.145.849)
Thu nhập chịu thuế TNDN	40.371.479.871	94.014.413.225
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	8.074.295.974	18.802.882.645
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	19.392.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.118.407.944	10.820.132.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.812.048.066)	(23.504.607.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(599.952.087)	6.118.407.944

40.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.129.215.485	-
	1.129.215.485	-
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(9.343.233.057)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	12.161.096.393
	-	2.817.863.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.947.078.822)	(9.343.233.057)
	<u>(3.947.078.822)</u>	<u>(9.343.233.057)</u>

43 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	17.177.035.087	33.313.009.067
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.177.035.087	33.313.009.067
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	164.800.618	164.800.618
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>104</u>	<u>202</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

44 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	825.915.640.750	-	-	825.915.640.750
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<u>856.225.640.750</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>856.225.640.750</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.608.753.818.546	-	-	1.608.753.818.546
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<u>1.639.063.818.546</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.639.063.818.546</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	107.582.726.345	-	-	107.582.726.345
Các khoản cho vay	201.976.845.040	-	-	201.976.845.040
Các khoản phải thu	1.239.850.275.459	2.853.090.040	-	1.242.703.365.499
	1.549.409.846.844	2.853.090.040	-	1.552.262.936.884
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	119.709.067.718	-	-	119.709.067.718
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	149.282.786.887	-	-	149.282.786.887
Các khoản phải thu	333.250.935.807	53.119.321.322	-	386.370.257.129
	602.242.790.412	53.119.321.322	-	655.362.111.734

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVERESTTầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	461.210.935.801	-	-	461.210.935.801
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.591.343.518	-	-	3.591.343.518
Chi phí phải trả	22.799.566.166	-	-	22.799.566.166
	<u>487.601.845.485</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>487.601.845.485</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	366.197.117.273	-	-	366.197.117.273
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	3.337.216.870	-	-	3.337.216.870
Chi phí phải trả	12.107.179.960	-	-	12.107.179.960
	<u>381.641.514.103</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>381.641.514.103</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

45 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

46 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tự doanh VND	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán VND	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	22.311.217.010	201.241.424.039	-	26.551.475.189	1.491.347.058	251.595.463.296
Chi phí hoạt động	33.508.648.692	90.046.703.860	-	702.642.300	19.097.083.652	143.355.078.504
Doanh thu không phân bổ						10.223.139.376
Chi phí không phân bổ						97.104.941.199
Kết quả hoạt động	(11.197.431.682)	111.194.720.179	-	25.848.832.889	(17.605.736.594)	21.358.582.969
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.892.236.898	2.089.587.113.934	534.000.000	201.976.845.040	-	2.313.990.195.872
Tài sản không phân bổ						152.966.992.424
Tổng tài sản	21.892.236.898	2.089.587.113.934	534.000.000	201.976.845.040	-	2.466.957.188.296
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	518.070.657	-	760.521.669	-	434.500.000	1.713.092.326
Nợ phải trả không phân bổ						497.681.805.800
Tổng nợ phải trả	518.070.657	-	760.521.669	-	434.500.000	499.394.898.126

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

47 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần G-AutoMobile	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này từ ngày 12 tháng 10 năm 2024
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Sản xuất ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này; ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc của công ty này cho tới ngày 18 tháng 3 năm 2024
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chia sẻ	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 24 tháng 7 năm 2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 19 tháng 7 năm 2024
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này; Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là Trưởng ban đại diện của quỹ này
Công ty TNHH KY Consultant	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn của công ty này cho tới ngày 30 tháng 8 năm 2024; Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty này cho tới ngày 30 tháng 8 năm 2024
Công ty Cổ phần Gami Hospitality	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Trần Đình Cường và ông Nguyễn Xuân Hà, ông Nguyễn Xuân Hà cũng là Phó Tổng Giám đốc công ty này
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật, chủ sở hữu công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Phú Bình	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Xuân Hà
Công ty Cổ phần Viện Phát triển trí tuệ Toàn Diện	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật công ty này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Gami Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 29 tháng 11 năm 2024 và vẫn là Thành viên Hội đồng quản trị)
Công ty TNHH Ký ức Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Điện tử - Ảnh màu Nha Trang	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc của công ty này
Công ty Cổ phần Truyền thông Vọng Đức	Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của công ty này
Công ty Luật TNHH Một thành viên M&A	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Tư lỵ B' Lao	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Xây Lắp SRE	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Trưởng ban kiểm soát công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư tài sản Koji	Ông Nguyễn Phi Long - Phó Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị công ty này
Ông Hoàng Hữu Tiến	Em rể của bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính của Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	7.845.518	125.184.316
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	444.012.500	444.012.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	4.277.024	4.257.473
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	50.000.000	80.000.000
Công ty TNHH KY Consultant	60.253.339	8.925.210
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	4.506.192	4.493.968
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media	31.407.995.725	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ông Hoàng Hữu Tiến	-	15.800.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Ông Nguyễn Hải Châu	1.000.835.000	169.884.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	374.000.000	64.000.000
Bà Vũ Hải Anh	202.000.000	32.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	202.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Thành Chung	206.000.000	23.142.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Trần Đình Cường	90.000.000	80.000.000
Bà Lê Thảo Anh	-	10.001.660
Ông Hoàng Đôn Hùng	130.000.000	160.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng	19.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hà	19.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Hữu Tiến	-	644.711.641
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Nguyễn Thành Chung	52.825.862	65.307.500

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.970.400.000	3.050.880.000
Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị	650.000.000	480.000.000
Bà Vũ Hải Anh - Thành viên Hội đồng quản trị	1.268.908.333	901.300.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	1.250.000.000	800.000.000
Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	1.010.000.000	160.000.000
Bà Lê Thảo Anh - Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	166.640.782	90.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	734.827.609	170.000.000
Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	530.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	130.000.000	20.000.000
Ông Phạm Hồng Minh - Thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	2.624.412.481	414.832.000
Ông Nguyễn Thành Chung - Thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Tổng Giám đốc	650.000.000	3.930.741.291
Bà Ngô Thị Thu Hương - Nguyên Phó Tổng Giám đốc	790.445.130	1.964.586.640
Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc	1.156.844.203	1.003.200.000
Ông Nguyễn Phi Long - Phó Tổng Giám đốc	1.151.953.846	503.771.429
Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

48 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan tới số dư gốc và lãi vay phải trả của sản phẩm Elending. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính năm</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Báo cáo tình hình tài chính				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	230.801.575.548	291.197.117.273	60.395.541.725
Vay ngắn hạn	312	230.801.575.548	291.197.117.273	60.395.541.725
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	61.013.094.519	617.552.794	(60.395.541.725)
Phải trả người bán ngắn hạn	320	1.689.034.076	1.444.272.553	(244.761.523)
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	11.862.418.437	12.107.179.960	244.761.523

Bùi Thị Yến
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng
Giám đốc tài chính

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2025

